TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 314/2025/DS-PT
Ngày 15 – 08 – 2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế
Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về Tranh chấp quyền sử dung đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là: xã T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C: Ông Ngô Trường S, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Số C, T, khóm E, phường I, thành phố C (nay là: phường A, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Ông Nguyễn Vũ Đ là Luật sư của Văn phòng L4 và thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; Địa chỉ: Lầu I, Tòa nhà D, C, L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: phường S, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1939; địa chỉ cư trú: Số I, đường L, khóm E, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Đoàn Thị Thùy N1, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số I, đường L, khóm E, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường T, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

2. Ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Số G, đường N, khóm B, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số G, đường N, khóm B, phường H, thành phố C, Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị Thùy N1, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số I, đường L, khóm E, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường T, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số G, đường N, khóm B, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

3. Bà Kim Bé N2, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là: xã L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

4. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

5. Bà Ngô Thị C1, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Kiều D, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là: xã L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

8. Bà Trần Cẩm L, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là: xã L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là: xã Đ, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

11. Bà Võ Ánh V, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

12. Ông Đoàn Thanh T3, sinh năm 1937 (vắng mặt).

13. Ông Đoàn Văn X, sinh năm 1978 (vắng mặt).

14. Bà Đoàn Thị Mai P1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số I, L, khóm E, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường T, tỉnh Cà Mau).

15. Chị Huyền Lê Mai H, sinh năm 2005; địa chỉ cư trú: Số G, N, khóm B, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

16. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1987 (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1989 (vắng mặt).

18. Ông Nguyễn Văn Đ1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú tại: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là: xã T, tỉnh Cà Mau).

19. Bà Lê Thị T6, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Khóm B, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

20. Ông Tô Hoài D1 và bà Hứa Phước L2 (vắng mặt).

21. Ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: phường L, tỉnh Cà Mau)

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn có 01 phần đất do chú ruột tên Nguyễn Văn T7 (hiện ông C2 đã chết) tặng cho, theo Biên bản họp gia đình ngày 20 tháng 11 năm 2008. Nguồn gốc đất của ông T7 được ông Nguyễn Văn V1 tặng cho vào năm 1933.

Phần đất của ông T7 tặng cho nguyên đơn có diện tích 2.900m^2, tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy chứng nhận QSDĐ) số O 509453, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố C cấp ngày 08/11/1999, do bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên, đến năm 2016, nguyên đơn thay mặt ông Nguyễn Văn T7 khởi kiện hành chính đối với UBND thành phố C về việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ nói trên cho bà K.

Ngày 28/6/2016, Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) thành phố C, tỉnh Cà Mau xét xử tuyên: Hủy toàn bộ Quyết định số 1088/QĐ-UB ngày 08/11/1999 của UBND thành phố C về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 2.900m^2 đất cho bà Nguyễn Thị K.

Ngày 25/10/2019 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1020/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 1088/QĐ-UB, ngày 08/11/1999 của Chủ tịch UBND thành phố C và giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ 60708, do UBND thành phố C cấp ngày 08/11/1999 cho bà Nguyễn Thị K, tại thửa số 216, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.900m^2, xã L, thành phố C.

Như vậy, phía bị đơn bà Huỳnh Kim N, ông Huỳnh Quang M không còn giấy tờ hợp pháp nào để làm căn cứ chứng minh phần đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của bị đơn, nhưng vẫn ngăn cản, gây khó khăn đối với nguyên đơn khi nguyên đơn đến quản lý, sử dụng. Điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu:

1. Buộc bị đơn bà Huỳnh Kim N và ông Huỳnh Quang M tháo dở, di dời toàn bộ nhà và vật kiến trúc trên đất để trả lại cho nguyên đơn phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, theo Trích đo hiện trạng ngày 28/8/2024 của Công ty TNHH P2, đất có ký hiệu M2M3M6M9 (có trừ diện tích khu mộ).

2. Yêu cầu công nhận phần đất nói trên là của nguyên đơn.

Nguyên đơn căn cứ vào Biên bản Họp gia đình, ngày 20 tháng 11 năm 2008 để yêu cầu bị đơn trả đất. Ngoài yêu cầu trên, thì nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Nguyên đơn thống nhất với T8 đo hiện trạng ngày 28/8/2024 của Công ty TNHH P2; thống nhất với chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH T12. Hiện trạng đất tranh chấp từ khi xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá đến nay không thay đổi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Đoàn Thị Thùy N1 trình bày:

Ông M và bà N có phần đất diện tích 2.900m^2, tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc phần đất là do mẹ ruột tên Nguyễn Thị K tặng cho, theo giấy chứng nhận QSDĐ số O 509453, do UBND thành phố C cấp ngày 08/11/1999, theo Quyết định số 1088/QĐ-UB do bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên giấy chứng nhận QSDĐ trên đã bị thu hồi theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND, ngày 25/10/2019 của UBND thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Trong phần đất 2.900m^2 nói trên, bị đơn đã bán cho người khác (ông Tô Hoài D1 và bà Hứa Phước L2; bà Lê Thị T6), hiện phần đất chỉ còn diện tích khoảng 1.600m^2.

Mặc dù giấy chứng nhận QSDĐ của bà Nguyễn Thị K bị thu hồi. Nhưng bà K và gia đình vẫn quản lý, sử dụng phần đất trên từ trước cho đến nay. Trên đất có nhà; có 04 ngôi mộ gồm mộ cha, mẹ, anh hai của bà N và mộ con của ông M.

Do đây là đất của bị đơn được tặng cho và quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Đất không phải của nguyên đơn, nên bị đơn không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn bà Huỳnh Kim N không có yêu cầu phản tố.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T trình bày:

Ông M, bà N có phần đất diện tích 2.900m^2, tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc phần đất là do mẹ ruột tên Nguyễn Thị K tặng cho, theo giấy chứng nhận QSDĐ số O 509453, do UBND thành phố C cấp ngày 08/11/1999, do bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên giấy chứng nhận QSDĐ trên đã bị thu hồi theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND, ngày 25/10/2019 của UBND thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hiện bị đơn vẫn đang quản lý bản gốc giấy chứng nhận QSDĐ bị thu hồi này mà không có thế chấp, cầm cố cho cá nhân, tổ chức nào.

Trong phần đất 2.900m^2 nói trên, bị đơn đã bán cho người khác (ông Tô Hoài D1 và bà Hứa Phước L2; bà Lê Thị T6), hiện phần đất chỉ còn khoảng 1.600m^2. Do đây là đất của bị đơn, không phải đất của nguyên đơn, nên bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Huỳnh Quang M không có yêu cầu phản tố.

Bị đơn thống nhất với Bản trích đo hiện trạng ngày 28/8/2024 của Công ty TNHH P2; thống nhất với chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH T12. Hiện trạng đất tranh chấp từ khi xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá đến nay không thay đổi.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Bà Đoàn Thị Thùy N1 và bà Lê Thị T trình bày:* Phần đất tranh chấp là của bị đơn, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bà Lê Thị T6 trình bày:* Năm 2003, bà T6 có mua phần đất diện tích 600m^2, tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc phần đất là của bà Nguyễn Thị K. Hiện bà Lê Thị T6 đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 600m^2. Bà T6 yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt.

- Chị Đoàn Thị Mai H1, anh Đoàn Văn X, ông Đoàn Văn T9 trình bày: Gia đình có phần đất diện tích 2.900m^2, tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Phần đất này không phải của nguyên đơn, nên chị H1, anh X không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H1, anh X, ông T9 yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt.

- Chị Huỳnh Lệ Mai H2 trình bày: Chị H2 không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án. Chị H2 yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt.

- Bà Kim Bé N2, ông Huỳnh Văn T1, bà Ngô Thị C1, bà Nguyễn Kiều D, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Cẩm L, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng T2, bà Võ Ánh V trình bày: Có thuê mướn đất của bà N1 để mua bán. Về việc tranh chấp thì từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc: Buộc bị đơn bà Huỳnh Kim N và ông Huỳnh Quang M tháo dở, di dời toàn bộ nhà và vật kiến trúc trên đất để trả lại cho nguyên đơn phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, có ký hiệu M2M3M6M9 (có trừ diện tích khu mộ) theo Trích đo hiện trạng ngày 28/8/2024 của Công ty TNHH P2; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận phần đất nói trên là của nguyên đơn.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/3/2025 Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 10/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng công nhận ông C là người sử dụng hợp pháp phần đất theo bản vẽ đã được hai bên đồng ý, phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau buộc bị đơn tháo dỡ toàn bộ các nhà chòi, các công trình kiến trúc trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Trường S và Luật sư Nguyễn Vũ Đ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T7, ông T7 đã cho ông Nguyễn Văn C hợp pháp, nên yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tuy nguyên đơn trình bày và đưa ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh phần đất của ông T7 tặng cho nguyên đơn có diện tích 2.900m^2, tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo giấy chứng nhận QSDĐ số O 509453, do UBND thành phố C cấp ngày 08/11/1999, do bà Nguyễn Thị K đứng tên quyền sử dụng đã bị thu hồi bởi các văn bản, Quyết định của các cơ quan chức năng và bản án của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau cũng như của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, đến nay cũng chưa có chứng cứ nào chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T7.

Theo nguyên đơn trình bày, nguồn gốc phần đất tranh chấp là do chú ruột tên Nguyễn Văn T7 tặng cho nguyên đơn theo biên bản họp gia đình ngày 20/11/2008. Nhận thấy tại biên bản họp gia đình có nêu "Ông C được thừa kế tài sản của ông T7", nhưng ông T7 lại không có chứng cứ chứng minh tài sản (phần đất tranh chấp) thuộc quyền sử dụng của ông T7. Thực tế phần đất tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm.

Do chưa có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T7 như nêu trên, do đó, việc ông T7 tặng cho theo như nguyên đơn trình bày, là không hợp pháp, nên không được pháp luật công nhận. Từ đó cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về việc tranh chấp đất giữa ông T7 với bà K chưa được giải quyết dứt điểm, những người thuộc hàng thừa kế của ông T7 được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết tranh chấp đất với những người đang quản lý phần đất tranh chấp.

[3] Tại cấp phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng nguyên đơn phải chịu toàn bộ.

[6] Án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là: Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc: Buộc bị đơn bà Huỳnh Kim N và ông Huỳnh Quang M tháo dở, di dời toàn bộ nhà và vật kiến trúc trên đất để trả lại cho nguyên đơn phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là: ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau), có ký hiệu M2M3M6M9 (có trừ diện tích khu mộ) theo Trích đo hiện trạng ngày 28/8/2024 của Công ty TNHH P2; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận phần đất nói trên là của nguyên đơn.

2. Chi phí tố tụng số tiền 57.674.700 đồng: Nguyên đơn phải chịu (đã thanh toán xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Trọng Quế	**Ninh Quang Thế**	**Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan Dương Hùng Quang **Đỗ Cao Khánh**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2025.

Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành L3

Bà Nguyễn Thị H4.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 224/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn S2, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau) .

Căn cước công dân số: 096062009544; cấp ngày: 26/5/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H3, Sinh năm 1960.

Căn cước công dân số: 096060002150; cấp ngày: 02/7/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bà Ngô Thị T10, S3 năm 1969.

Căn cước công dân số: 036169018479; cấp ngày: 14/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng trú tại: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp E, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Dư Văn T11, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp E, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 không có ý kiến khác.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn S2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 185/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Kết quả biểu quyết 3/3 không có ý kiến khác.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn S2 đối với ông Nguyễn Văn H3, bà Ngô Thị T10 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H3, bà Ngô Thị T10 trả 10 chỉ vàng 24 K.

Kết quả biểu quyết 3/3 không có ý kiến khác.

2. Án phí: Ông Hồ Văn S2 được miễn. Ông Nguyễn Văn H3 và bà Ngô Thị T10 không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 không có ý kiến khác.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kết quả biểu quyết 3/3 không có ý kiến khác.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3 không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 40 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Lập Nguyễn Thị H4 **Đỗ Cao K1**